



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

No. 49, Summer 2000

2001 Talmage Rd., Talmage, CA 95481- 0217

Thân này như bọt nước
Chợt hiện cũng chẳng bền
Trẻ thơ cho là ngọc
Bất láy chẳng đây tay
Hương là ở trong đó
Tham lam làm nguồn tội
Chỉ dùng mắt trí xem
Rốt cuộc làm gì có

Hám Sơn Đại sư

Đọc trong số này

- Khai Thị:
*Ngũ Giới Thập Thiện
Tiêu Tai Nạn*
- Lời Cảnh Tỉnh
Hạt Lúa Chín Tròn Đầy
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
13. Như Pháp Thọ Trì
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
Phổ Môn Phẩm Lược Giảng
- Thông Báo
- HT Hư Vân Hòa Truyện
*#22. Quyển Thuộc Cùng
Xuất Gia*

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Association
The City of Ten Thousand Buddhas
(Vạn Phật Thánh Thành)
P. O. Box 217
Talmage, CA 95481-0217
Tel. (707) 462 - 0939
Fax. (707) 462 - 0949
bodehai@hotmail.com
www.saigon.com/~fopusa

Ngũ Giới Thập Thiện Tiêu Tai Nạn

**To Eradicate Disasters, Cultivate the
Five Precepts and the Ten Good Deeds**

Ven. Master Hsuan Hua

*Vì chúng sanh tạo nghiệp
nên trên thế giới mới thấy xuất
hiện bao nhiêu là tai nạn. Có
câu nói: “Khởi hoặc, tạo
nghiệp, thọ báo”, ba thứ này
liên quan chặt chẽ với nhau.
Nếu không khởi hoặc thì sẽ
không tạo nghiệp, và từ đó
không có quả báo.*

*Khởi hoặc là khởi lên sự
mê lầm, do thiếu trí huệ chân
chánh nên không sáng suốt
khi đối diện với sự lý, nghĩa
là tâm điên đảo. Nói rõ hơn,
đây là trường hợp không biết
phân biệt rõ ràng các điều thị
phi, thiện ác, ngay đến trắng
đen cũng không phân định,
chánh tà cũng không biết. Tóm
lại, tất cả đều do sự thiếu xét*

Due to the karma created by
living beings, the world has all kinds
of disasters. When delusion arises,
beings create karma, and undergo
the retribution. These are the links
in a causal relationship. If we didn't
become deluded, we wouldn't cre-
ate karma, and then there would
be no retribution to undergo.

Delusion means being con-
fused. Lacking true wisdom, we fail
to understand principles and spe-
cific matters, and so we get con-
fused. In particular, we cannot dis-
tinguish between right and wrong,
good and bad, black and white, or
proper and improper. In general,
we are not clear about anything,
because our ignorance is acting up.

When we create karma, it can

đoán mình bạch mà nguồn gốc chính là sự tác quái của vô minh.

Tạo nghiệp thì phải kể cả tạo thiện nghiệp và tạo bất thiện nghiệp. Tạo thiện nghiệp sẽ được quả sanh ở trên thiên, tạo ác nghiệp thì bị đọa địa ngục. Bởi không phân biệt rõ nên mới tạo nên nào nghiệp trộm cắp, nghiệp tà dâm, nghiệp nói dối, nghiệp uống rượu v.v. những trong các nghiệp này thì cũng có sự khác biệt về mức độ nặng nhẹ.

Sát sanh : Như hành động giết các con muỗi, con kiến chẳng hạn, đó gọi là sát sanh. Giết bò giết heo là sát sanh. Nhưng trong trường hợp này nghiệp báo không nặng lắm, bởi súc sanh là loài ngu si, nhất thời không kiếm ra được kẻ giết mình, mà có kiếm ra thì cũng không biết phương cách gì để báo thù. Thế nhưng, trong thế gian, luật nhân quả rất là công bình. Trong sự mông lung của đời sống, chẳng biết từ đâu và do đâu, ta sẽ thấy nhân quả kiếm tới, có thể ta sẽ mắc phải một quái tật, hay sẽ bị bệnh hành hạ, đó là một thí dụ về sự báo cữu có tính cách tiêu cực. Như ngày nay những người mắc bệnh ung thư, phần đông là do kiếp trước hay kiếp này đã tạo ra các nghiệp trọng về sát sanh, nên mới gặp loại bệnh không có thuốc chữa này.

Trong các nghiệp sát sanh thì nghiệp sát nhân là nghiêm trọng nhất. Nạn nhân bị giết biến thành oan hồn, tức khắc theo dõi anh, oan cữu chẳng báo, chẳng cam tâm, nên nhất định sẽ chờ, có cơ hội là báo oán xưa. Kẻ sát nhân ắt bị pháp luật trừng trị, hoặc giả tâm thần không an ổn, đứng ngồi không yên, luôn luôn ở trong một hoàn cảnh bị đe dọa, chẳng chóng thì chày tinh thần sút kém, nếu chẳng chết thì cũng bị điên loạn.

Trộm cướp : Phàm là kẻ trộm cướp, tâm thường phấp phồng sợ hãi. Người ta thường nói: “Tặc nhân đờm hử” - kẻ trộm thì gan mật

be either good or bad karma. Good karma takes us up to the heavens. Bad karma sends us down to the hells. Since we cannot tell the difference clearly, we commit the karma of killing, stealing, sexual misconduct, lying, and taking intoxicants. However, there are different levels of severity in the karma committed.

Killing: This includes taking the lives of mosquitoes and ants. Slaughtering cows and pigs is killing as well. Even though these are all considered killing, the retribution is not too severe. Why? Because animals are too stupid. They cannot find the killer right away. Even if they find him, they cannot avenge their grudge. Yet the universal law of cause and effect is fair. It will reach you without your knowing it, and seemingly without an apparent reason. It will make you sick with a strange disease. It will torture you with the suffering of illness. This is a passive way of revenge. Most cancer patients, for example, are sick because they committed very serious killing karma either in their present or previous lives. That's why they have terminal illnesses now.

Among the kinds of killing, the karma of killing people is the most severe. People who are killed become vengeful ghosts who constantly follow their killers. They will not give up until they have been avenged; they are determined to find a chance to get revenge. Those who commit homicide are certain to be punished by law. They are restless and uneasy, and feel threatened by their surroundings. They soon have a nervous breakdown, and either die or go crazy.

Stealing: People who steal always have fear in their hearts. As it is said, “A thief has a guilty conscience.” If you never engage in stealing, you have no cause to feel shame before Heaven or other people, so what is there to fear? When everything you do is clear and out in the open, there is nothing to be afraid of.

suy yếu. Nếu chẳng có hành vi trộm cắp thì ngừng lên chẳng hổ, cúi xuống chẳng thẹn, có gì đâu mà hãi sợ? Việc ta làm, ta tạo tác, rất là đường hoàng quang minh, còn sợ gì nữa?

Tà dâm : Hành dâm là điều cấm tuyệt đối với người xuất gia, còn đối với các đệ tử Phật tại gia thì việc tà dâm chỉ cấm nếu không phải là giữa vợ chồng. Ngoài ra, tử tưởng dâm dục cũng phải giới, không thể nào cử tử sáng đến tối hồ tử loạn tưởng, suốt ngày để cho tử tưởng dâm dục ám ảnh cho đến bạc cả tóc, rụng cả răng! Có biết đâu, tới kiếp sau những tử tưởng đó vẫn còn theo đuổi, rồi kiếp kế tiếp mãi mãi không thôi, đúng là “vì dâm dục mà sanh, vì dâm dục mà tử”.

Nói dối : Người nói dối, không bao giờ tin vào lời nói của bất cứ ai. Bởi chính mình không nói lời chân thực nên cứ nghĩ rằng người khác cũng không nói thực. Đó chính là: “Lấy cái tâm tiểu nhân, đo lòng người quân tử”. Chính mình chuyên nói dối để gạt người khác do đó mới cho rằng người khác cũng nói lời dối gạt như mình.

Uống rượu : Phàm người uống rượu dễ bị mất lý trí. Đương lúc hăng say không kịp nghĩ tới hậu quả nên dễ tạo ra những việc thường luân bại lý. Lý do là “tửu hậu vô đức” lý trí lúc bấy giờ không kèm chế được tình cảm nữa.

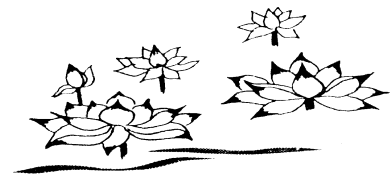
Nguyên nhân các tai nạn trên thế giới đều do con người không giữ ngũ giới, không biết tu thập thiện. Trong thời kỳ Chuyển Luân Pháp Vương trị thế, mọi người đều giữ ngũ giới, tu thập thiện, cho nên hội đó trên thế gian không có mấy may tai nạn, đúng là thời kỳ “Gió thuận mưa hòa, quốc thái dân an.” Nay thì ai nấy đều không giữ ngũ giới, không tu thập thiện, cho nên mới có nhiều tai nạn như vậy, điều căn bản chính là ở chỗ đó.

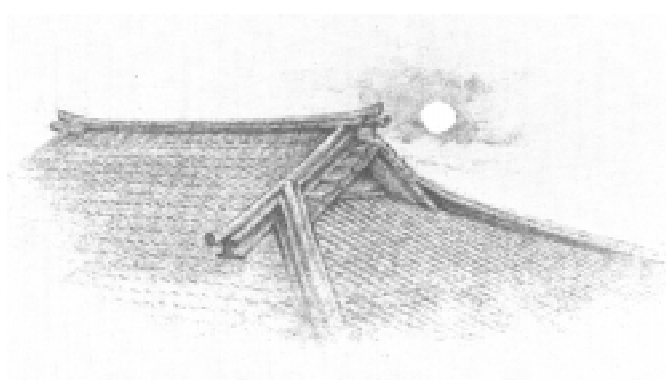
Sexual misconduct: Left-home people must abstain from all sexual conduct whatsoever. Lay people may not engage in sexual conduct with anyone other than their spouse. Don't think about sex all the time, daydreaming until your hair turns white, your teeth fall out, and you die. Then you stop daydreaming. But in the next life you continue dreaming away, and your daydreams go on ceaselessly in life after life. This is called “being born because of sexual desire, and dying because of sexual desire.”

Lying: People who like to lie don't trust anyone else. They don't tell the truth, so they feel others won't tell the truth either. This is called “using a petty mind to judge a superior person.” They themselves tell lies all the time, so they think others do the same.

Taking intoxicants: It easy for people who drink to lose their rationality. When they get excited, they may commit serious crimes without regard for the consequences. Why? Because intoxicants make people immoral, and their emotions get the better of them.

Disasters occur in the world because people don't observe the five precepts and don't practice the ten good deeds. During the time when a wheel-turning sage king rules the world, everyone observes the five precepts and practices the ten good deeds, and there are no disasters in the world. The winds and rains are timely, and people live in happiness. Now, since people fail to observe the five precepts or practice the ten good deeds, there are many disasters. This is the root of the problem.





Lời Cảnh Tỉnh

Sư Cô Chứng Nghiêm

6. HẠT LÚA CHÍN TRÒN ĐẦY

Khiêm nhượng, nhu nhĩ; tranh và hòa

- Đức Phật thường nhắc nhở đệ tử rằng tuy đã có trí huệ viên dung, mình cần phải hàm súc tánh khiêm tốn. Hệt như hạt lúa vậy: càng chín lúa càng trĩu nặng.
- Người có trí huệ chân thật thì chắc chắn luôn có thái độ thành khẩn, khiêm cung. Có trí huệ thì mới phân biệt được thiện ác, tà chính. Có khiêm cung thì mới xây dựng được cuộc đời mỹ mãn.
- Mục đích chủ yếu (tối hậu) của tu hành là vô ngã. Bởi thế khi còn trên đường tu bạn hãy thu nhỏ tự ngã, mở rộng con tim, bao dung mọi sự. Chúng ta nên tôn trọng kẻ khác thì họ nhất định sẽ tôn trọng, chấp nhận mình.
- Chỉ có kẻ biết tự trọng thì mới mạnh dạn thu nhỏ tự ngã.
- Hãy thu nhỏ bản ngã: làm sao khiến trong mắt trong tai người khác mình thật nhỏ bé. Không những chẳng hại ai, mình còn ở sâu trong lòng mọi người.
- Một hạt cát nhỏ: bạn cũng vướng chân. Một hòn sỏi con: bạn cũng bện tâm. Thế thì đối diện với công việc, bạn hẳn chẳng sao gánh vác nổi.
- Những ai chẳng thể cúi đầu xuống (khiêm tốn) là vì họ cứ ngăm mãi thành công (của họ) trong quá khứ.
- Xem nhẹ chính mình: đó là trí bát nhã. Xem trọng chính mình quá (nặng tánh tự ái): đó là chấp trước.
- Chúng sinh có phiền não là vì có chấp trước. Khi bạn lấy tánh ích kỷ của cái ngã làm trung tâm, xem mình là lớn lắm thì bạn sẽ khiến mình và kẻ xung quanh tranh chấp, đau khổ. Quên mình, bỏ ngã thì trong quá trình tu tâm dưỡng tánh, bạn mới xây dựng được một nhân sinh quan lành mạnh, hạnh phúc.
- Tình thương là một sức mạnh ở trên đời. Nếu chỉ có tình thương thì chưa đủ. Bạn phải có thêm lòng *nhĩ*: nhĩ nhục, nhượng nhĩ, nhĩ nại. Có nhĩ nhĩ thì mới có an lạc.
- Muốn được người ta hoan nghinh, thương mến, trước tiên bạn phải chăm sóc chính mình: dáng điệu, lời lẽ, hành động, cử chỉ. Những thứ ấy đều do bạn tu dưỡng tánh nhĩ nhục trong sinh hoạt hàng ngày.
- Bốn phận của người tu là nhĩ nại và phục

- vụ. Tu dưỡng là việc làm của mỗi cá nhân.
- Có tiền cũng khổ. Không tiền cũng khổ. Nhân nhả cũng khổ. Bận rộn cũng khổ. Ở đời ai chẳng khổ? Nói là khổ là bởi người ta không biết kham nhẫn. Càng không biết nhẫn chịu, người ta càng thêm khổ.
 - Thế giới Ta Bà còn được dịch là thế giới Kham Nhẫn. Ý của nó là nói ta phải kham nhẫn, chịu đựng cho được thống khổ thì mới sống trên đời một cách tự tại.
 - Nhẫn nại chưa phải là cảnh giới tối cao đâu. Nếu bạn đạt tới cái nhẫn thấu suốt thì bạn sẽ cảm thấy mọi nghịch cảnh đều là việc rất tự nhiên, rất bình thường.
 - Làm việc gì bạn cũng phải giữ vững nguyên tắc Chính đáng và Thành khẩn. Đối xử với người thì phải giữ thái độ Khoan dung và Nhu hòa. Hãy dùng hình thái siêu nhiên của tôn giáo, với tâm lượng rộng rãi để dung nạp tất cả mọi người.
 - Bậc thánh chân chính thì vừa cương vừa nhu. Cương nghĩa là trong sự mềm mại có sự cứng rắn, trong cứng rắn có sự mềm mỏng. Tánh nhu hòa có thể điều phục dạy dỗ chúng sinh. Tánh cứng rắn sẽ làm kiên cố ý chí của chính mình.
 - Nếu ai cũng thực hành lòng hiền từ và tánh nhẫn nhịn trong gia đình thì thế gian sẽ thường phát ra ánh sáng tình thương thấu triệt khắp nơi.
 - Tranh: chỉ nên cạnh tranh làm lành, cạnh tranh với thời gian. Khi đối tượng của tranh là người thì chữ tranh này đem đến chuyện không an ổn, là việc rất đau khổ rồi vậy.
 - Sự cạnh tranh vốn hàm tàng nuôi dưỡng
- hạt giống tổn hại. Chỉ cần có cạnh tranh là có phân biệt trước sau, trên dưới, ý niệm được mất, thủ xả. Thế sự do vậy chẳng sao an ổn.
- Kẻ không tranh mới nhìn thấu sự thật mọi việc. Hễ tranh là loạn. Hễ loạn thì vi phạm (luật lệ). Vi phạm thì thất bại. Nên biết: cả thiên hạ chẳng một ai thật sự là thắng đâu.
 - Con người thường thường hết sức chấp trước, đầy tâm phân biệt. Đây là mình, kia là người: vạch ra thật rõ ràng. Đến độ thú gì mình yêu thích thì cắm đầu đi tranh giành, cầu cạnh, rồi đổ kỵ với một tâm lượng thật hẹp hòi. Đâu đâu cũng tạo chuồng ngại.
 - Người ta thường nói: phải tranh đấu từng chút. Kỳ thật kẻ chân chính có công phu thì nhịn, chẳng tranh giành gì.
 - Hãy nuôi dưỡng hun đúc khí chất (cốt khí, nhân cách) cho tốt. Đừng thêm tranh thế diện (đừng sợ bị mất mặt). Cái gì do tranh mà có đều là giả. Thú gì do hun đúc mới là thiệt.
 - Người ta phần lớn ai cũng có lòng tham danh lợi, tranh với người, giành việc vắn. Nếu bạn chẳng tranh chấp với người thì người an ổn. Chẳng tranh giành trong công việc thì việc bình an. Người và việc, bạn đều chẳng tranh thì thế giới sẽ bình an.
 - Biết dùng chữ Hòa thì việc gì cũng lợi lạc, không chuyện gì chẳng thành công.
 - Biết hòa thì chẳng sinh thị phi. Sự nghiệp tu hành xuất thế gian sẽ vĩnh viễn bất hủ cũng là do bắt nguồn từ chữ Hòa này.



Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

ĐOAN MUỖI BA:

NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Nhĩ thời Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì? Phật cáo Tu Bồ Đề: Thị kinh danh vi Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề! Phật thuyết Bát Nhã Ba La Mật, tức phi Bát Nhã Ba La Mật, thị danh Bát Nhã Ba La Mật. Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ? Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết. Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ? Tu Bồ Đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn! Tu Bồ Đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới. Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ? Phật dã, Thế Tôn! Bất khả tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng,

thị danh tam thập nhị tướng. Tu Bồ Đề nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí, nhược phục hữu nhơn, ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thậm đa.

Lúc đó, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế-tôn! Kinh này đặt tên gì? Chúng con phụng trì như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Kinh này đặt tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, theo tên gọi đó mà phụng trì.

Tại sao? Tu-bồ-đề! Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như-lai có thuyết pháp chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế-tôn! Như-lai không có thuyết pháp.

Tu-bồ-đề ! Ý ông thế nào? Tất cả vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chăng?

Ngài Tu-bồ-đề đáp: Bạch Thế-tôn! Rất nhiều.

Tu-bồ-đề! Những vi trần ấy, Như-lai nói chẳng phải vi trần, ấy gọi là vi trần. Như-lai nói

thế giới, chẳng phải thế giới, ấy gọi là thế giới.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy được Như-lai chăng?

Thưa không, Thế-tôn! Chẳng thể do ba mươi hai tướng mà thấy được Như-lai. Tại sao? Như-lai nói ba mươi hai tướng, tức là chẳng phải tướng, ấy gọi là ba mươi hai tướng.

Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, nếu lại có người thọ trì nhẫn đến bốn câu kệ trong kinh này, và giảng nói cho người khác nghe, thì phước người này còn nhiều hơn.

Lược giải:

Lúc đó, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế-tôn! Kinh này đặt tên gì? Chúng con thọ trì như thế nào?

Lúc đó ông Tu-bồ-đề nói với Phật rằng công đức của bộ kinh này to lớn như thế, thì phải nên gọi kinh này bằng tên gì, và các hàng đệ tử của Phật là A-la-hán, các vị Duyên giác, Thanh văn, cũng như các chúng sanh đời sau phải phụng trì kinh như thế nào.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Kinh này đặt tên là *Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật*, theo tên gọi đó mà phụng trì.



Phật dạy Ngài Tu-bồ-đề rằng kinh này tên là *Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật*. Kim cang có nghĩa gì? Kim cang gồm đủ ba tánh chất: cứng, sáng, sắc bén. *Cứng* tức là kiên cố, không vật nào có thể hủy hoại nó, riêng nó thì phá hủy được các thứ khác. Công dụng của *Kinh Kim Cang* sao? Công dụng của kinh là phá tan hết mọi thứ. Có người không đồng ý, nói rằng: "Phá tan hết thì hóa ra tôi không còn một thứ gì sao?" Chúng ta sợ dĩ không thành Phật, chỉ vì chúng ta có đủ tất cả, nay nếu không còn một cái gì, tức nhiên sẽ thành Phật. Nguyên do bởi chúng ta chấp trước mà không chịu buông bỏ. Hết thấy những gì của chúng ta từ ở đâu mà tới vậy? Từ những hình tướng mà ra, mà hề những gì có hình tướng đều là những thứ sanh diệt cả. Vô hình, vô tướng thì chẳng thể sanh diệt. Chẳng hủy hoại được cái vô tướng. Vô tướng chính là vô niệm, *vô niệm cũng chính là bản thể của vạn pháp*. Đạt được trình độ vô niệm, thì mình trở về với nguồn cội. Tính chất kiên cố của kim cang, có thể phá được hữu niệm, nhưng không phá được vô niệm. Vô niệm đúng là kiên cố, nên vô niệm phá được các pháp hữu tướng, hữu vi, hữu lậu, cũng như phá tan thần thông của thiên ma ngoại đạo. Tại sao phá được thần thông của họ? Bởi họ còn là hữu tướng, chưa đạt được cảnh giới của vô niệm. Nếu họ là vô niệm, thì họ đã chẳng phải là thiên ma ngoại đạo. Bởi họ cần có niệm, còn có hình, có tướng, còn làm việc hữu lậu, còn trồng nhân hữu lậu, nên họ mới bị kim cang phá tan thành.

Ý nghĩa thứ hai của kim cang là *sáng*. Tác dụng của tính chất này như thế nào? Sáng thì phá tan được bóng tối. Ánh sáng mà tràn đầy thì màn hắc ám sẽ bị tiêu diệt.

Ý nghĩa thứ ba là *sắc bén*, giống như tánh bén nhọn của cây dao, chặt một nhát thì cái gì cũng đứt. Tác dụng

của nó là trừ tà hiển chánh, chặt đứt hết tà tri, tà kiến của thiên ma ngoại đạo, chặt đứt luôn phiền não vô minh của chúng ta.

Tóm lại *thể* của kim cang là kiên cố, *tướng* của kim cang là sáng chói, *dụng* của kim cang là sắc bén.

Kim Cang là ví dụ cho trí Bát nhã. Bát nhã có ba loại: văn tự bát-nhã, quán chiếu bát nhã, và thật tướng bát nhã. Văn tự bát nhã là loại trí huệ ở văn tự, kinh điển. Do trí huệ này mà phát sanh trí huệ quán chiếu. Chữ quán là quan sát, chữ chiếu là soi sáng. Do văn tự mà có quán chiếu, do quán chiếu bát nhã này mà có thể đạt tới trình độ của thật tướng bát nhã. Thế nào là thật tướng bát nhã? Tức là vô tướng vậy. *Vô tướng nhi vô bất tướng, vô sở bất tướng*, nghĩa là vô tướng mà chẳng phải chẳng có tướng, chẳng chỗ nào là không tướng.

Văn tự bát-nhã, quán chiếu bát-nhã, thật tướng bát nhã, nếu phân ra thì có ba thứ, nhưng hợp lại chỉ còn là một thứ bát-nhã. Dùng một tên để gọi nó, còn bản thể của nó thì *đương thể tức không, đương thể tức giả, đương thể tức trung*. Nhưng chớ chấp trước vào quan niệm *không*, hay quan niệm *giả*. Ngay lúc quý vị không chấp trước, đó gọi là trạng thái *trung đạo*.

Ba-la-mật nghĩa là đáo bỉ ngạn, tức tới bờ bên kia. Thế nào là bờ bên kia? Quý vị làm xong một công chuyện gì thì gọi là tới bờ bên kia. Kẻ tu hành từ địa vị phàm phu tới được Phật địa, cho đến thành Phật, gọi là tới bờ bên kia. Bờ bên này là bờ sanh tử, bờ bên kia là bờ niết-bàn. Chúng ta từ bờ sanh tử, vượt qua được giòng sông phiền não, tới được bờ niết-bàn, là nghĩa của chữ ba-la-mật.

Phật bảo như sau: "Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật là tên của bộ kinh, ông Tu-bồ-đề! Ông phải tôn phụng thọ trì bộ *Kim Cang* này." Đây là ý nghĩa phải tôn kính bộ kinh, như cách cung kính đội lên trên đầu. Chúng ta nghiên

cứu Phật học, phải rất mực cung kính mọi kinh điển, vì cung kính kinh điển cũng giống như cung kính Phật vậy. Phần trên đã chẳng đề cập rồi sao? Phàm nơi nào có kinh điển là có Phật, nơi đó có pháp thân Phật, cũng là nơi có Phật-pháp, cũng là nơi có Tăng-già, cho nên hễ có kinh điển tức có Phật, Pháp, Tăng, Tam-bảo đầy đủ, bởi vậy ta phải cung kính.

Bởi vì sao? Ông Tu-bồ-đề! Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Tại sao chúng ta phải thọ trì bộ kinh này? Phật bảo ông Tu bồ-đề rằng giảng theo lẽ trung đạo, lấy *thực tướng* làm thể thì có bát-nhã ba-la-mật; giảng theo *chân đế* (lý tuyệt đối) thì *chẳng có* bát-nhã ba-la-mật. Chân (tuyệt đối) thì lìa ngôn ngữ, văn tự. Một khi đã lìa ngôn ngữ và văn tự thì cái gì cũng là không hết, vậy thì làm gì còn có bát-nhã ba-la-mật nữa? Cho nên nói: "*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*" tức là đường ngôn ngữ tắt, sự suy tưởng của tâm ý cũng chẳng còn, do đó chẳng còn gì gọi là ba-la-mật.

Như chẳng lập văn tự, nói tuyệt đối, thì không còn tên gọi, cho nên kinh nói: "chẳng phải bát-nhã ba-la-mật." Nói theo *tục đế* (tương đối) thì "ấy là bát-nhã ba-la-mật," nhưng đây chỉ là một cái giả danh mà thôi. Bởi vậy vấn đề là không nên chấp trước, cũng chẳng chấp không, mà cũng không chấp có. Chẳng nên chấp nhân, chấp pháp, chẳng chấp không. Ví dụ như ta cứ nhất định nói có bát-nhã ba-la-mật, tức là có sự chấp trước, cho nên nói "tức chẳng phải bát-nhã ba-la-mật."

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như-lai có thuyết pháp chẳng?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế-tôn! Như-lai không có thuyết pháp.

Phật bảo ông Tu-bồ-đề: "Ta đã thuyết đạo lý bát-nhã

ba-la-mật, ông có ý kiến gì không? Ta lại hỏi ông: Như-lai có thuyết pháp chăng?" Ông Tu-bồ-đề trả lời Phật rằng: "Như-lai không có thuyết pháp."

Chỗ này, Phật rõ ràng vừa thuyết pháp xong mà lại còn hỏi ông Tu-bồ-đề rằng "Phật có thuyết pháp không?" Ông Tu-bồ-đề, có tên là "Không Sanh," lại là vị "đệ nhất giải không," hiểu rõ chân thực của bát-nhã là vô sở thuyết, nên ông trả lời Phật rằng: "Như-lai không có thuyết pháp."

Đọc tới đoạn kinh này, một số người không lãnh hội được. Rõ ràng là Phật đã thuyết pháp, sao Phật còn hỏi "có thuyết pháp hay không?" Và ông Tu-bồ-đề thì trả lời rằng "Phật không có thuyết pháp." Thế là nghĩa gì?

Đức Phật và Ngài Tu-bồ-đề, hai bên đối đáp với nhau, nói lên ý nghĩa chân chánh của bát-nhã. Một khi bát-nhã chân chánh đã chẳng lập văn tự, lìa ngôn ngữ, thì lấy lời gì để thuyết bát-nhã? Mọi pháp đều đi tới chỗ không hình tướng, không lời bàn, cho nên, Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, cho tới lúc sắp nhập niết-bàn, Ngài nói: "Một tiếng ta cũng chưa hề giảng, nếu có kẻ nào nói 'Phật thuyết pháp' tức kẻ đó đã phỉ báng Phật."

Nói rằng Phật không thuyết pháp, có sao bao nhiêu kinh điển đều nói do Phật thuyết? Đây là pháp hữu vi nói với kẻ hữu vi. Đối với kẻ vô vi, nói pháp vô vi. *Kinh Kim Cang* nói: "Pháp còn nên bỏ, huống chi chẳng pháp?" Đây là nghĩa không chấp, cho nên Phật mới nói rằng Phật không thuyết pháp, bởi e có người chấp trước pháp tướng. Nay, pháp môn bát-nhã, không những nhằm trừ bỏ nhân chấp, pháp chấp, luôn trừ bỏ cả cái chấp "không" nữa.

Tu-bồ-đề ! Ý ông thế nào? Tất cả vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề đáp: Bạch Thế-tôn! Rất nhiều.

Phật hỏi ông Tu-bồ-đề cho biết ý kiến về số lượng tất cả hạt bụi trong tam thiên đại thiên thế giới, bụi lân hư và bụi nhỏ, số lượng đó có nhiều không.

Nói về mắt của chúng ta, thì có thể thấy được bụi nhỏ là vi trần. Nay cất bụi nhỏ ra, mỗi hạt cất ra làm 7 phần, gọi là lân hư trần, thì lân hư trần này thật là quá nhỏ, mắt thịt không thể thấy được, cũng coi như chẳng thấy gì, chẳng khác nhìn hư không, nên mới gọi là lân hư, tức là lân cận với hư không. Số bụi này nhiều vô cùng, chẳng qua nhãn lực của chúng ta không thể thấy được mà thôi. Ông Tu-bồ-đề bèn trả lời Phật rằng vi trần rất nhiều.

Tu-bồ-đề! Những vi trần ấy, Như-lai nói chẳng phải vi trần, ấy gọi là vi trần.

Phật lại bảo ông Tu-bồ-đề rằng số vi trần ấy, nói theo *thực tướng* thì gọi là vi trần, nói theo *chân đế* thì chẳng phải vi trần, nói theo *tục đế* thì như vậy là mượn tên vi trần để gọi.

Như-lai nói thế giới, chẳng phải thế giới, ấy gọi là thế giới.

Gom vi trần lại thì thành ra thế giới. Vi trần là y báo nhỏ nhất, thế giới là y báo lớn nhất. Y báo lớn nhất là do những cái nhỏ nhất tích tụ lại. Thế giới do vi trần họp lại mà có nên đem vi trần phân khai ra thì thế giới cũng chẳng còn nữa. Bởi lẽ này, Phật nói: "Thế giới chẳng phải thế giới, ấy gọi là thế giới. ❶"

Những nghĩa lý trình bày ở trên đây, đều không ngoài ý niệm Tam quán: *không, giả, trung*. Mọi pháp là không, đó là chân đế; mọi pháp là giả, đó là tục đế; chẳng không, chẳng giả là trung đạo, gọi là trung đế. Nói về bát-nhã, nói đi nói lại, bằng như chẳng nói. Bởi vậy, trưởng lão Tu-bồ-đề được coi là thuyết bát

nhã giỏi, vua trời Phạm-thiên coi như nghe bát nhã giỏi. Số là, ông Tu-bồ-đề hỏi vua trời Phạm thiên:

-Tôi thuyết bát nhã chẳng?

Vua trời đáp:

- Tôn-giả không có thuyết.
- Thế ông nghe cái gì?
- Tôi cũng không có nghe.

Đổi đáp như vậy mới là chân bát-nhã. Không thuyết, không nghe, gọi là chân bát-nhã. Cho nên nói, Phật thuyết bát-nhã ba-la-mật, tức chẳng phải bát-nhã ba-la-mật, ấy mới là bát-nhã ba-la-mật, tất cả chỉ là giả danh mà thôi.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy được Như-lai chăng?

Thưa không, Thế-tôn! Chẳng thể do ba mươi hai tướng mà thấy được Như-lai, tại sao? Như-lai nói ba mươi hai tướng, tức là chẳng phải tướng, ấy gọi là ba mươi hai tướng.

Phật hỏi ý kiến ông Tu-bồ-đề, có thể lấy ba mươi hai tướng để thấy được Pháp thân của Như-lai không, thì ông Tu-bồ-đề trả lời Phật như sau: "Không thể lấy ba mươi hai tướng để nhận ra Pháp thân của Như-lai. Tại sao vậy? Ba mươi hai tướng của Như-lai tức chẳng phải tướng, ấy mới gọi là ba mươi hai tướng."

Ba mươi hai tướng của Đức Phật Thích Ca, là ba mươi hai tướng của Ứng thân, chẳng phải là *Pháp thân*. Ứng thân chính là Hóa thân, Hóa thân có ba mươi hai tướng, đó là tướng sanh diệt, không phải vĩnh viễn. Còn như Pháp thân Phật thì chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt. Ba mươi hai tướng mà Phật nói là tướng của Hóa thân, không phải tướng thực sự của Phật, chẳng qua vì giả danh nên nói như vậy.

Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, người thiện



nữ, đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí.

Phật lại nêu lên một thí dụ: Như có người thiện nam thọ ngũ giới và thập thiện, người thiện nữ thọ ngũ giới và thập thiện, lấy thân mệnh nhiều như cát sông Hằng để làm vật bố thí, giống như Đức Phật Thích Ca đã từng lấy thân mình dâng cho con hổ đói, cát thịt để nuôi chim ưng. . .

Về chuyện bỏ thân mình nuôi hổ đói, thì trong một kiếp xưa, có một lần, Đức Phật thấy trên núi một con hổ mẹ công hồ con đi kiếm ăn. Nhân vì trời tuyết lớn, không kiếm ra được gì để ăn, nên hổ đói quá, cơ hồ không sống nổi. Đức Phật thấy vậy, lòng bất nhẫn, thương xót, nên tự nguyện đem thân mình bố thí cho hổ ăn thịt. Trong các dã thú, hổ là loài hung dữ nhất, có ai lại đi dâng mình làm mồi cho hổ, vậy mà Đức Phật Thích Ca khi trông thấy cảnh hổ đói đã cảm lòng không được, Ngài liền nấy

sanh tâm bố thí, chạy đến trước miệng hổ để cho hổ đói vồ ăn thịt. Đó là trường hợp đem thân mạng ra bố thí.

Cũng trong một kiếp xưa, đời quá khứ, có một con chim ưng tính bắt một con chim nhỏ. Chim nhỏ này sà vào lòng Đức Phật, cầu Đức Phật cứu mạng. Lúc đó chim ưng bay đến nói với Phật như sau: "Ông cứu nó, tức làm cho tôi chết đói. Ông cứu được một chúng sanh, lại hóa thành giết hại một chúng sanh khác, đó cũng không phải là lòng từ tâm." Đức Phật nghe nói như vậy, liền cắt thịt của mình cho chim ưng ăn. Nhưng, ăn một miếng thịt chưa đủ no, ăn một miếng nữa cũng chưa no, Đức Phật đành bảo nó: "Thôi thì, mi cứ lấy hết thịt ở thân mình ta ra mà ăn." Chim ưng bèn chẳng khách khí, mổ hết thịt trên mình của Phật để ăn.

Trên đường cầu Phật đạo, đức Thích Ca đã có tấm lòng bố thí như vậy đó. Chúng ta nay bố thí chút ít tiền, mà tâm gan đã cảm thấy xuyết xoa, bỏ ra hai trăm đồng thì ba đêm không ngủ được! Nghĩ rằng đi làm trong một tuần lễ, hai tuần lễ, mới kiếm được hai trăm, chùng ầy tiền! Đức Phật thì chẳng tính kỹ đến thế. Do đó, Ngài đã thành Phật. Chúng ta thì chẳng thành Phật, bởi chúng ta tính toán kỹ càng quá! Nói vậy, là chúng ta cứ việc hồ đồ, chẳng nên tính liệu gì cả hay sao? Chẳng phải như thế, cũng chẳng phải hồ đồ, chỉ là giữ lòng thanh tịnh. Trong thời kỳ tu nhân của Đức Phật Thích Ca, Ngài đã hy sinh trên một ngàn thân mạng của Ngài để cứu độ chúng sanh. Lại nói rõ hơn nữa, trong tất cả tam thiên đại thiên thế giới, không có một nơi nào bằng một hạt bụi nhỏ, mà không có thân xác bỏ lại của chư Phật mười phương. Xem như thế, chúng ta cần phải phát tâm đại thừa rộng lớn, vì pháp quên thân.

Nếu lại có người thọ trì nhẫn đến bốn câu kệ trong kinh này, và giảng nói cho người khác

nghe, thì phước người này còn nhiều hơn.

Giả như lại có người khác, chỉ mang vòn vẹn bốn câu kệ ra giảng cho mọi người nghe, thì công đức của người này còn hơn công đức của người đem thân mạng mình, nhiều như cát sông Hằng, để dùng làm vật bố thí. Tại sao vậy? Bởi vì dùng thân mạng để bố thí chỉ có thể cứu được thân mạng của người khác, nhưng không độ được họ phần bản hoàn nguyên, khôi phục lại bản lai diện mục, bản hữu Pháp thân. Nếu vì người mà thuyết pháp, điều đó có thể giúp người ta giác ngộ thành Phật, tức là cứu độ Pháp thân chúng sanh, cho nên công đức này mới là vô lượng, còn hơn công đức bố thí thân mạng, và không có cách gì có thể so sánh được.

(còn tiếp)

Quán Âm Thất:

Tháng 10: từ ngày 15 đến ngày 21

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Xuất Gia sẽ cử hành vào **chủ nhật**
ngày 15/10.

Lễ Vu Lan sẽ cử hành vào **chủ nhật**
ngày 13/8.

Thiền Thất:

Một tuần thiền tập mùa hè bắt
đầu từ tối chủ nhật ngày 23 đến
chủ nhật ngày 30 tháng 7.





Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm

Hán dịch: Dao Tần, Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Giảng thuật: Hòa Thượng Tuyên Hóa, Vạn Phật Thánh Thành.

Chánh văn:

“Này Vô Tận Ý ! Bồ-tát Quán Thế Âm có sức oai thần lớn như thế, làm lợi ích rất nhiều. Cho nên chúng sanh thường phải tâm niệm Ngài. Nếu có người nữ nào, hoặc cầu con trai, lễ bái cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm, bèn sanh được bé trai phước đức trí huệ; hoặc cầu con gái, bèn sanh bé gái có tướng đẹp đẽ, do gieo trồng gốc phước đời trước, được mọi người yêu kính”.

Đức Phật sau khi nói những việc trên xong, lại bảo Bồ-tát Vô Tận Ý : “Bồ-tát Quán Thế Âm chẳng những có sức oai thần cứu được 7 nạn, giải được 3 độc như vừa nói, mà lại còn có rất nhiều thần thông diệu dụng làm lợi ích cho chúng sanh, vì thế chúng sanh phải nên thường thường tâm niệm Bồ-tát này”. Điều này mọi người phải đặc biệt chú ý ! **“Thường phải tâm niệm”**, là không phải chỉ niệm ở đầu môi mà tâm không niệm. Tóm lại, phải niệm niệm nhớ tưởng, luôn luôn ghi nhớ danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. **“Nếu có người nữ nào hoặc cầu con trai”** : Giả như có một người nữ muốn cầu có một đứa con trai. Cầu như thế nào mới được như nguyện? Phải theo đúng như phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa đã dạy, tức là phải lễ bái, đồng thời dùng hương hoa trái cây... cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm,

tự nhiên có thể được một đứa bé trai đầy đủ phước đức trí huệ. Nếu cầu con gái, thì có thể sanh một đứa bé gái tướng mạo đoan chánh, mắt mũi tai miệng đều cân đối xinh đẹp cả. **“Gốc phước do trồng đời trước, được mọi người yêu kính”** : Tại sao lại được tướng mạo đoan chánh trang nghiêm đẹp đẽ như thế ? Đó đều là do đời trước, hoặc mua hương hoa, dùng các thứ trang nghiêm để cúng dường Phật, Bồ-tát. Do chứa nhóm công đức cúng Phật thuở xưa kia nên cảm được đời đời tướng mạo đầy đủ, trang nghiêm tốt đẹp, ai thấy cũng yêu thương.

“Này Vô Tận Ý ! Bồ-tát Quán Thế Âm có oai lực như thế ! Nếu có chúng sanh nào cung kính lễ bái Bồ-tát Quán Thế Âm thì phước không thể cùng tận. Vì thế chúng sanh phải nên thọ trì danh hiệu của Ngài. Này Vô Tận Ý ! Nếu có

người thọ trì danh hiệu của 62 ức Hằng hà sa Bồ-tát, lại suốt đời cúng dường những thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men... Ông nghĩ thế nào ? Những thiện nam tín nữ này được công đức có nhiều không ? Vô Tận Ý đáp : Rất nhiều, thưa Thế Tôn ! Phật nói : Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, cho đến chỉ một lần lễ bái cúng dường, thì phước đức của hai người này đồng nhau không khác chi, trong trăm ngàn vạn ức kiếp không thể cùng tận”.

Đức Phật sau khi nói những việc cứu 7 nạn, giải 3 độc, ứng 2 điều cầu mong của Bồ-tát Quán Thế Âm vừa xong, lại nói : “Này Vô Tận Ý ! Vị Bồ-tát Quán Thế Âm này có oai lực như vừa nói ở trên, nếu có chúng sanh nào hay cung kính và phát tâm lễ bái Bồ-tát Quán Thế Âm thì phước đức của người ấy nhất định tồn tại không uổng phí. Vì lý do ấy, các chúng sanh đều phải nên thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm”. Nếu quý vị có thể trong tâm thường trì niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì được phước báo công đức không thể nghĩ bàn, vi diệu khó lường.

Phật lại bảo : “Này Vô Tận Ý ! Giả sử có người thọ trì danh hiệu của rất nhiều Bồ-tát, nhiều như số cát trong 62 ức sông Hằng, và chẳng những chỉ niệm tụng mà còn suốt đời dùng hương hoa đèn quả, hoặc dùng những thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men... tứ sự cúng dường lên Tam Bảo. Ý ông như thế nào ? Những thiện nam tín nữ ấy có được công đức nhiều hay không ?”



Sau khi Phật nói xong, Bồ-tát Vô Tận Ý đáp : “Công đức này rất nhiều”. Phật lại bảo : “Giả sử còn có người hay niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Chẳng cần nói người ấy có suốt đời cúng dường, mà chỉ có thể trong một thời gian rất ít lễ bái cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm, thì phước đức của hai người này như nhau. Trong trăm ngàn muôn ức kiếp phước đức này cũng không cùng tận”.

“Này Vô Tận Ý ! Thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế đó. Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng : Bạch Thế Tôn ! Bồ-tát Quán Thế Âm làm thế nào đi khắp thế giới Ta Bà này, làm thế nào có sức phương tiện nói pháp cho chúng sanh nghe? Việc ấy như thế nào ? Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý : Này thiện nam tử, nếu có chúng sanh trong cõi nước nào, đáng dùng thân Phật để được độ thoát thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật nói pháp độ họ; đáng dùng thân Phật Bích-chi để được độ thoát thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật Bích-chi nói pháp độ họ; đáng dùng thân Thanh văn để được độ thoát thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Thanh văn nói pháp độ họ; đáng dùng thân Phạm vương để được độ thoát thì Bồ-

tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phạm vương nói pháp độ họ; đáng dùng thân Đế Thích để được độ thoát thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Đế Thích nói pháp độ họ; đáng dùng thân Tự Tại Thiên để được độ thoát thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Tự Tại Thiên nói pháp độ họ; đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên để được độ thoát thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên nói pháp độ họ”.

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý : “Nếu Ông hay thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì có thể được lợi ích phước đức nhiều vô số vô lượng như đã nói ở trước”. Bồ-tát Vô Tận Ý nghe Phật nói thế lại bạch hỏi Phật : “Bạch Thế tôn ! Vị Bồ-tát Quán Thế Âm này làm thế nào để giáo hóa chúng sanh ở thế giới Ta Bà ? Làm thế nào để thuyết pháp cho họ nghe ? Nhân duyên phước thiện giáo hóa chúng sanh, sức phước thiện và những sự việc ấy như thế nào ?”

Thế nào gọi là thế giới Ta Bà ? “Ta Bà” là tiếng Phạn (Saha), dịch là “Kham Nhẫn”, cũng chính là kham năng nhẫn thọ, là nói thế giới này rất khổ, không dễ gì chịu đựng nổi.

Đức Phật nghe Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi như thế, mới đáp : “Này thiện nam tử ! Giả sử như trong các cõi nước ở ba ngàn đại thiên thế giới có một hạng chúng sanh đáng dùng thân Phật mới có thể độ cho họ thành Phật thì Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ thị hiện thân Phật đến nói pháp cho chúng sanh ấy nghe”.

Đến đây có người hỏi : “Bồ-tát Quán Thế Âm chỉ là Bồ-tát chứ chưa thành Phật

mà sao có thể hiện thân Phật để nói pháp được ? Đó không phải giả xưng là Phật sao?” - Không phải đâu ! Nhân vì Bồ-tát Quán Thế Âm trong vô lượng kiếp về quá khứ đã thành Phật với danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Sau khi thành Phật, Ngài vì không quên chúng sanh nên mới trở lại thế giới này, ẩn đi thân Phật mà hiện thân Bồ-tát để cứu giúp chúng sanh. Đó gọi là “ẩn lớn hiện nhỏ”. La-hán là “hồi Tiểu hưởng Đại”; Bồ-tát Quán Thế Âm là “hồi Đại hưởng Tiểu”. Ngài từ thân Phật lại “quay ngược thuyền Từ”, cũng như người ta nói : “Quay xe trở lại”, mục đích là để cứu vớt chúng ta là những chúng sanh đau khổ. Cho nên Bồ-tát Quán Thế Âm tuy bề ngoài hiện thân Bồ-tát, kỳ thật bên trong ngầm chứa mật hạnh. Ẩn bên trong là hạnh nguyện của chư Phật, hành vi của chư Phật. Đó là lý do tại sao Bồ-tát Quán Thế Âm có thể hóa hiện thân Phật để thuyết pháp cho chúng sanh, chớ không phải giả xưng là Phật để dối gạt chúng sanh đâu.

Tiếp đó Đức Phật lại bảo : **“Đáng dùng thân Bích-chi Phật để được độ thoát, liền hiện thân Bích-chi Phật để nói pháp độ họ”.**

Bích-chi Phật là tiếng Phạn (Pratyekabuddha), nói đủ là “Bích-chi-cala”, dịch là Duyên giác. Duyên giác lại có hai thứ : Những vị sanh vào thời có Phật ra đời thì gọi là Duyên giác; những vị sanh vào thời không có Phật gọi là Độc giác. Khi có Phật ra đời thì tu 12 nhân duyên mà ngộ đạo. Vị ấy quan sát tại sao có Vô minh ? Vô minh tại sao lại có Hành ? Tại

sao có Thức ? Có Danh sắc ? Có Lục nhập ? Làm sao lại có Xúc ? Rồi có Thọ ? Sau Thọ lại có Ái ? Có Ái lại có Thủ ? Nhân vì có Hữu cũng lại có Sanh ? Có Sanh rồi lại có Lão tử ? Cả ngày quán sát tới lui 12 nhân duyên như vậy, biết rằng tất cả đều là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, nên tất cả đều buông bỏ, và do đó mà khai ngộ. Do quán 12 nhân duyên mà ngộ đạo nên gọi là Duyên giác. Vào thời không có Phật, vị ấy cũng tu 12 nhân duyên này; mùa Xuân quán thấy trăm hoa đua nở, mùa Thu vạn vật héo tàn, quán xét các thứ trạng thái biến hóa tự nhiên nên giác ngộ được Sanh, Trụ, Di, Diệt; Thành, Trụ, Hoại, Không; các thứ hình sắc thấy đều là vô thường, cũng nhân đó mà được giác ngộ, gọi là Độc giác. Do vì sanh ra vào thời có Phật hay không Phật mà gọi tên Duyên giác hay Độc giác mà thôi.

Bồ-tát Quán Thế Âm nhờ có Thiên nhãn chiếu thấy, Thiên nhĩ nghe xa, biết được chúng sanh nào đáng dùng thân Bích-chi Phật để được độ thoát thì hiện ra thân Bích-chi Phật để nói pháp cho họ nghe : “Quý vị biết Vô minh là từ đâu mà có ? Chính là từ chỗ một niệm bất giác của quý

vị mà có. Do một niệm bất giác, cho nên trong Như Lai Tạng Tánh của quý vị phát sanh ra Vô minh. Đã có Vô minh thì sanh tiếp ra Hành...”. Đối với những người như thế, Ngài dùng thân Bích-chi Phật để nói pháp độ họ khiến cho họ khai ngộ giác đạo. Sau đó mới dạy họ phát tâm Bồ-đề, hồi Tiểu hướng Đại.

“Đáng dùng thân Thanh văn để được độ thoát, liền hiện thân Thanh văn nói pháp độ họ”. Thế nào gọi là Thanh văn ? Thanh văn cũng là một vị La-hán, Duyên giác cũng là một vị La-hán, thuộc về hàng Nhị thừa. Thanh văn, thì Thanh là tiếng tăm, Văn là nghe thấy, có nghĩa là nghe thấy lời Phật nói mà ngộ đạo. Phật nói những lời gì ? Nói pháp Tứ đế, do nghe những lời này mà ngộ đạo, nên gọi là Thanh văn. Tứ đế là gì ? Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đức Phật Thích-ca đầu tiên ba lần chuyển pháp luân Tứ đế cho năm vị Tỳ-kheo nghe. Bấy giờ các vị Kiều Trần Như... hãy còn chưa xuất gia, sau khi được Phật nói pháp cho nghe, mới xuất gia làm Tỳ-kheo. Khi Phật đến vườn Nai nói với họ : *“Đây là Khổ có tánh bức bách, đây là Tập có tánh chiêu cảm, đây là Diệt có tánh khả chứng, đây là Đạo có tánh khả tu”.*

- *Đây là Khổ có tánh bức bách* : Là nói Khổ này có tính bức bách mạnh mẽ, khiến người chịu không nổi. Khổ có Khổ khổ, Hoại khổ, Hành khổ. Lại có tám thứ: Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, Ái biệt ly khổ, Cầu bất đắc khổ, Oán tắng hội khổ, Ngũ ấm xí thạnh khổ. Những thứ khổ ấy bức bách con người xoay chuyển không nổi, thở không ra hơi, suốt ngày bức bối. Tất cả vấn đề đó đều do khổ sanh ra,



cho nên nói Khổ có tánh bức bách.

- *Đây là Tập có tánh chiêu cảm* : Tập là chứa nhóm tích tụ. Sao gọi là chứa nhóm? Phiền não chứa nhóm với nhau. Tại sao có phiền não ? Tại vì có “Khổ”. Trước hết có khổ, khi bị khổ áp bức chịu không nổi mới sanh ra phiền não, phát sinh ra giận dữ. Vì thế nói phiền não này có tánh chiêu cảm, là do chứa nhóm mà thành. Đó cũng là từ Khổ mà có Tập.

- *Đây là Diệt có tánh khả chứng* : Diệt là tịch diệt, tịch diệt cả vô minh phiền não. Thứ an lạc của tịch diệt này là diệu quả của Niết-bàn, là thứ có thể chứng đắc được.

- *Đây là Đạo có tánh khả tu* : Thứ Đạo này mọi người đều có thể tu, không một ai nói là không thể tu được. Bất cứ người nào cũng đều có thể tu Đạo, bất cứ người nào cũng đều có thể chứng được lý thể Niết-bàn. Đó là lần Chuyển pháp luân thứ nhất.

Đức Phật chuyển pháp luân lần thứ hai: *“Đây là Khổ các ông nên biết, đây là Tập các ông nên đoạn, đây là Diệt các ông nên chứng, đây là Đạo các ông nên tu”*. Nói rằng “Khổ này không phải chỉ riêng ta thành Phật mới biết, mà các ông cũng phải biết nó là Khổ. Các ông cũng phải dứt trừ Tập đế, phải nên cầu chứng diệu quả Niết-bàn, cũng phải nên tu hành thứ Bồ-đề giác đạo này”.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ là hiện thân thuyết pháp, giảng nói pháp Tứ đế cho năm vị Tỳ-kheo ấy nghe, tiếp theo Ngài lại chuyển pháp luân lần thứ ba : *“Đây là Khổ ta đã biết, đây là Tập ta đã đoạn, đây là Diệt ta đã chứng, đây là Đạo*

ta đã tu”. Những Khổ này ta đã biết, Tập này ta đã dứt trừ. Ta đã biết Khổ này nên không bị Khổ làm mê. Ta đã dứt hết phiền não, cũng không còn Tập đế nữa. Diệt này ta đã chứng đắc rồi, ta đã được niềm vui tịch diệt chân chánh. Đạo này ta đã tu xong.

Năm vị Tỳ-kheo ấy nghe Phật diễn nói ba lần chuyển pháp luân Tứ đế xong, tức thì được khai ngộ. Nhân nghe tiếng Phật thuyết pháp mà ngộ đạo nên gọi là Thanh văn. Thanh văn và Duyên giác gọi là Nhị thừa, cũng gọi là Tiểu thừa. Có Tiểu thừa cũng có Đại thừa. Sao gọi là Đại, sao gọi là Tiểu ? Thật ra không có Đại mà cũng không có Tiểu, chỉ vì tâm chúng sanh có Đại có Tiểu mà thôi. Xưa nay tâm lượng rộng lớn khắp hư không pháp giới, nhưng phạm phu chúng ta không biết dùng Như Lai Tạng Tánh sẵn có của chính mình. Có người chỉ dùng một phần nhỏ, có người dùng được phần lớn, có người dùng cả toàn bộ. Chư Phật thì có thể dùng được toàn bộ, vì đã phản bổn hoàn nguyên rồi. Bồ-tát có thể dùng được một phần lớn; vì các ngài có trí huệ rộng lớn nên có thể dùng được số nhiều của báu trong gia tài Như Lai Tạng Tánh sẵn có của chính mình. Sự hiểu biết của hàng Tiểu thừa rất ít cho nên dùng được ít. Vì thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm gặp được cơ duyên người đáng dùng thân Thanh văn để được độ thoát, thì hiện ra thân Thanh văn đến nói pháp Tứ đế cho họ nghe.

“Đáng dùng thân Phạm vương để được độ thoát, liền hiện thân Phạm vương đến nói pháp độ họ”.

Phạm vương chính là Đại Phạm Thiên Vương, Hoàng đế của trời Đại Phạm. Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Vị ấy làm vua trên trời cảm thấy rất tự tại. Bồ-tát Quán Thế Âm cũng hiện thân Đại Phạm Thiên Vương đến để nói pháp cho nghe.

“Đáng dùng thân Đế Thích để được độ thoát thì hiện thân Đế Thích đến nói pháp độ họ”.

Đế Thích (Shakra), mà trong Kinh A-di-đà gọi là Thích-đề-hoàn-nhơn (Shakra Devanam Indrah), trong Đạo giáo gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Vị Đế Thích này không phải chỉ có một mà có rất nhiều. Chúng ta biết rằng có một cõi trời tên là Tam thập tam (hay Đạo Lợi thiên). Đế Thích của Đạo Lợi thiên cũng chính là Thiên chúa của một số người tín ngưỡng. Trong chú Lăng Nghiêm có một câu : “Nam mô Nhân-đà-ra-da”. - “Nhân-đà-ra-da” cũng là một tên gọi của Thiên chúa. Những sự việc ở trên trời đều do vị Đế Thích này thống lãnh và quản lý, vì thế năng lực của vị này rộng lớn phi thường, quyền lực và thần thông cũng to lớn; nhưng vị này chỉ có thể ở trên trời, mà mạng sống của trời rồi có lúc cũng chấm dứt. Bồ-tát Quán Thế Âm thấy vị Đế Thích này cơ duyên đã thành thực, bấy giờ Ngài mới hóa hiện thân Đế Thích đến nói pháp cho họ nghe. Tại sao phải hóa làm thân Đế Thích để nói pháp cho họ nghe? Vì là đồng loại sẽ dễ dàng tiếp nhận sự khuyến hóa hơn. Cũng giống như nhân loại chúng ta vậy, bất luận là người ở giai cấp nào thì đối với giai cấp đó dễ dàng kết bạn hơn. Người buôn bán thì kết bạn với người buôn

bán, người đi học thì kiếm người đi học kết bạn, người học Phật thì kết bạn với người học Phật, người cờ bạc thì kết bạn với người cờ bạc, kẻ cướp thì kết bạn với kẻ cướp. Ấy gọi là “Vật cùng loại dễ hợp, người cùng việc dễ quen”. Vì những quan hệ ấy nên Bồ-tát Quán Thế Âm thường hiện ra thân đồng loại với chúng sanh, thì hiện các phương tiện khiến cho các chúng sanh ấy dễ dàng được hóa độ. Nhưng Bồ-tát Quán Thế Âm không những chỉ dùng thân thông biến hóa để hiện thân thuyết pháp và không nhất định theo tiếng kêu cứu mới ứng hóa, mà thậm chí còn phân thân đến cõi này để làm người, cũng tu học Phật pháp rồi mới giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh. Ví như đối với hạng học sĩ, Bồ-tát Quán Thế Âm hóa thân làm một vị Giáo sư diễn nói Phật pháp cho họ nghe, từ từ dẫn dụ khiến cho một số học giả lần lần có cảm tình hướng đến Phật



pháp, bỏ nghi thêm tin, rồi phát tâm quy y, thọ trì 1 giới, 2 giới, 5 giới, cho đến 10 giới trọng 48 giới khinh của Bồ-tát. Sau đó, họ lại nương theo pháp môn của Bồ-tát Quán Thế Âm để tu hành, biến ra một Bồ-tát Quán Thế Âm, thế là Bồ-tát Quán Thế Âm lại có thêm một Hóa thân nữa.

Làm sao lại có được ngàn trăm ức Hóa thân ? Đó chính là quý vị mô phỏng theo Ngài, học tập theo Ngài, thì sẽ biến thành Hóa thân của Ngài đó. Cũng như nói “Pháp không định pháp”, là “pháp” ấy không nhất định, không nên chấp trước. Nếu quý vị chấp trước là nhất định, thử hỏi chính quý vị có nhất định là mình có thể không chết không ? Nếu quý vị có thể nhất định không chết thì mọi sự việc đều có thể nhất định rồi. Nếu quý vị nói : “Không thể được, tôi chắc chắn là phải chết!” Thế thì không có pháp nhất định rồi. Cho nên Phật pháp cũng là pháp không nhất định. Vì thế, lý lẽ “Thiên bá ức hóa thân” không phải là khó hiểu, chỉ cần quý vị có hăng tâm, nghị lực để học tập theo Bồ-tát Quán Thế Âm, hoằng dương Phật pháp, cứu độ chúng sanh thì quý vị cũng là Hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm. Có một trăm người học theo Ngài thì có một trăm Hóa thân, có một ngàn người học theo Ngài thì có một ngàn Hóa thân. Chừng nào có số người chịu bắt chước theo Ngài hoằng dương Phật pháp thì chừng ấy cũng sẽ có vô lượng vô biên Hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm. Đó là nói theo sự, còn nói theo lý thì khi quý vị thành Phật rồi cũng thực sự có đầy đủ ngàn trăm ức Hóa thân.

(Bồ Đề Hải sẽ không tiếp tục đăng phần còn lại của Phổ Môn Phẩm Thiển Thích, nhưng sẽ đăng “Lãng Nghiêm Kinh Ngũ Ấm Ma Thiển Thích” từ số sau).

TRUYỀN THỌ TAM QUY NGŨ GIỚI VÀ TẠI GIA BỒ TÁT GIỚI TẠI VẠN PHẬT THÁNH THÀNH

Vì hoằng dương Giới pháp của Như-lai, để tiếp nối Huệ mạng của chư Phật, hầu duy trì Luật tạng Tỳ-ni được cửu trụ, Vạn Phật Thành sẽ cử hành Pháp hội truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới cùng Tại Gia Bồ Tát Giới.

Tư cách cầu giới

Có lòng tin chân chánh vào Phật Đạo và tự tin rằng có thể thọ trì giới pháp của Phật. Muốn thọ Bồ Tát giới là phải trường trai và cần nên đến chùa học giới trong 5 ngày (từ ngày 30/8/2000 đến 03/9/2000) trước khi thọ giới.

Ngày 30/8 đến ngày 03/9/2000: Học giới

Ngày thứ sáu 01/9/2000: Truyền Tam Quy Ngũ Giới và U Minh Giới.

Ngày chủ nhật 03/9/2000: Truyền Tam Quy Ngũ Giới và Tại Gia Bồ Tát Giới.

Quý Phật tử có thể xin đơn tại Vạn Phật Thành (707) 462-0939 và phải gửi về chùa trước ngày 10 tháng. Nếu đơn được chấp thuận, quý vị sẽ được giấy báo cho biết. Giới tử được chấp nhận, phải có mặt tại Vạn Phật Thành vào lúc 3 giờ chiều ngày 30 tháng 8, tại Đạo Nguyên Đường.

Địa Tạng Thất: từ ngày 27/8 ---2/9/2000

Lễ vía Đức Địa Tạng Bồ Tát: 27/8/2000

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc về Vạn Phật Thành Tel: (707) 462-0939 Fax: (707) 462-0949 e-mail: cttb@jps.net

Hư Vân Hoà Thượng Họa Truyện

22. Quyển Thuộc Cũng Xuất Gia

Sau khi lui về quê quán, thân phụ Ngài vì thương tiếc người vợ hiền sớm quá vãng và nhớ thương đứa con phiêu bạt, nên đau buồn đến lâm bệnh mà qua đời. Bà thứ mẫu họ Vương xúc động dẫn hai cô con dâu đi xuất gia. Bà được đặt Pháp danh là Diệu Tịnh; còn cô họ Điền thì có Pháp danh là Chân Khiết và cô họ Đàm là Thanh Tiết. Cả ba người đều nhất tâm sám hối nghiệp chướng bao đời, xả bỏ nhiễm duyên trần tục, thiết tha cầu vãng sanh Cực Lạc, gặp Đức Di Đà.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyên Hóa:

Nhân gian quyển thuộc Phật quốc ma,
Do lai đại thánh đa khảm khả.
Đãi chí bỉ ngạn hồi đầu khán,
Phản mê quy giác tạ Đề Bà.

Nghĩa là:

*Bà con cõi người: ma cõi Phật,
Khiến cho Đại Thánh lăm lao đao,
Sang đến bờ kia quay đầu lại:
Lìa mê về giác, nhờ Đề Bà!*



Chú thích: Đề Bà tức Đề Bà Đạt Đa, anh ruột của Tôn giả A-Nan. Tôn giả Đề Bà Đạt Đa cũng là em chú bác và là đệ tử của Đức Phật Thích Ca, song luôn luôn đố kỵ và gây chướng ngại cho Phật. Về sau, trong Hội Pháp Hoa, ông được Phật thọ ký thành Phật hiệu Thiên Vương, ở cõi nước Thiên Đạo.

Dharma Realm Buddhist Association

City of Ten Thousand Buddhas

P. O. Box 217

Talmage, CA 95481 - 0217, U. S. A.

Tel. (707) 462-0939 / Fax. (707) 462 - 0949

bodehai@hotmail.com

To : _____

BỒ ĐỀ HẢI is published quarterly by Dharma Realm Buddhist Association, 2001 Talmage Rd., Talmage, CA 95481- 0217. Application to Mail at Periodicals Postage Rates is Pending at Talmage, CA, and at additional mailing offices. POSTMASTER: Send address changes to BỒ ĐỀ HẢI, P.O. Box 217, Talmage, CA 95481-0217.